

Bản án số: 536/2023/DS-PT

Ngày: 09 - 8 - 2023

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 683/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di
sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 338/2023/QĐ-PT
ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông
Nguyễn Tấn T (chết ngày 12/7/2023)

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1942 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A đường C, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, ông T1: Bà Nguyễn Thị Diễm T2,
sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: D V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ;

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Phương N, sinh năm 1958 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Lệ T3, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: A đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Người thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1999):

- Bà Nguyễn Phương A, sinh năm 1956 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Phương N1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Xuân L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng cư ngụ: 181 Avenue du Maréchal L, N, F.

2. Người thừa kế của ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987):

- Bà Nguyễn Kim L1 (Nguyễn Thị Kim L2), sinh năm 1961 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Kim H (Nguyễn Thị Kim H1), sinh năm 1962 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Nhựt T5, sinh năm 1963 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1972 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Kim N3, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng cư ngụ: 9128 S, L3, V, USA.

3. Người thừa kế của bà Nguyễn Thị Bích T6 (mất năm 1975):

- Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1964 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1964 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh H5, sinh năm 1966 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh L4, sinh năm 1967 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thùy T7, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng cư ngụ: 57 đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H3, bà Nguyễn Thị Thùy T7:

- Ông T8 Huỳnh Văn H6, sinh năm 1992 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: D V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ;

- Bà Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1970 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng cư ngụ: Số 8, B, M, SA 5012, AU.

4. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: B N, quận N, thành phố Cần Thơ

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T trình bày: Cha của ông là cụ Nguyễn Nhựt C1 (chết năm 1955) và mẹ là cụ Hồ Thị H7 (chết năm 1988). Cha mẹ của ông có tất cả 05 người con, không có con nuôi gồm:

1. Ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1999). Ông T4 có các con: Bà Nguyễn Phương A, Ông Nguyễn Phương N1, Bà Nguyễn Xuân L.

2. Ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Kim N5 (hiện không biết còn hay mất). Ông N2 có các con: bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), ông Nguyễn Nhựt T5, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Kim N3. (hiện địa chỉ bà N3 không rõ).

3. Bà Nguyễn Thị Bích T6 (chết năm 1975). Bà T6 có các con: ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P.

4. Bà Nguyễn Thị Cẩm T9 (chết năm 1999). Người thừa kế của bà T9 là ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 (là bị đơn trong vụ kiện).

5. Ông Nguyễn Tấn T (nguyên đơn).

Sau khi cha ông qua đời, mẹ ông tham gia cách mạng và được nhà nước bố trí cho thuê nhà của nhà nước tại địa chỉ: A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và mẹ ông được Sở T11 - Ủy ban nhân dân tỉnh H (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà số 489/TC.86 ngày 12/01/1987.

Đến năm 1988 mẹ ông qua đời không lập bất kì di chúc nào để định đoạt hay phân chia đối với tài sản là nhà và đất thuộc địa chỉ trên. Lúc này, bà Nguyễn Thị Cẩm T9 khó khăn về chỗ ở nên anh chị em ông đồng ý cho bà T9 cư trú tại căn nhà nêu trên để thờ cúng ông bà.

Đến năm 1999 bà Nguyễn Thị Cẩm T9 mất, các con của bà T9 gồm: Ông Nguyễn Phương N, bà Nguyễn Thị Lệ T3 âm thầm kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất trên nhưng không thông qua ý kiến của ông và các anh chị em đồng thừa kế.

Nhận thấy việc Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông. Do đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xem xét:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 399580, số vào sổ H00233/QSĐĐ cấp ngày 31/10/2007 cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N vì cấp trái quy định pháp luật.

2. Yêu cầu chia tài sản thừa kế nhà và đất tại thửa số 139, tờ bản đồ số 9,

diện tích 108,60m² tọa lạc tại số A đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho các người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồ Thị H7 theo quy định pháp luật.

Phía bị đơn ông Nguyễn Phương N, bà Nguyễn Thị Lệ T3 trình bày: Nguồn gốc căn nhà A đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là của cụ Hồ Thị H7 ở từ thời Pháp thuộc. Sau đó, cụ H7 bị bệnh, lúc này được nhà nước hóa giá nên bà Nguyễn Thị Cẩm T9 (mẹ ruột của các bị đơn) là con gái của cụ H7 đã mua nhưng để cụ H7 đứng tên, cụ H7 ở đến năm 1988 thì mất. Năm 1999 bà T9 mất. Bị đơn đứng tên quyền sử dụng đất. Phía nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, bị đơn không đồng ý vì việc đứng tên quyền sử dụng đất là hợp pháp đúng quy định.

Vì theo bị đơn trình bày: Về nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ: A đường P lúc đầu là thuê mượn của bà Ông Như L5 (vợ của thẩm phán Huỳnh Hiệp T10 là chánh án Tòa Thượng thẩm S). Sau đó, cụ C1 thuê từ năm 1935 đến năm 1955 cụ C1 mất. Lúc này, cụ H7 là vợ cụ C1 tiếp tục thuê đến năm 1975 thì giải phóng, đã thực hiện đóng tiền thuê nhà hằng năm. Chủ nhà là bà L5 đã vượt biên đi nước ngoài tị nạn từ năm 1976 đến nay không có tin tức của chủ nhà. Theo lệnh của phòng Tài chính thành phố C (cũ) thì bà T10 đã đóng thay cho chủ nhà tiền thuế thổ trạch và vệ sinh từ các năm 1975-1976-1977 (có biên lai). Bà T10 ở tại nhà trên từ lúc mới sinh ra cho đến khi mất. Ông bà tiếp tục ở đến hôm nay. Việc nguyên đơn cho rằng bà T10 có khó khăn về chỗ ở là không đúng.

Về hàng thừa kế của cụ H7 cũng thống nhất là có 05 người như nguyên đơn cung cấp nhưng đã chết chỉ còn ông T còn sống nhưng con của ông N2 còn có thêm Nguyễn Kim N3 đang ở Mỹ nhưng không biết địa chỉ, Hàng thừa kế của bà T6 còn có thêm Nguyễn Thị Bích N4 và Nguyễn Thanh P (hiện ở Úc) nhưng cũng không rõ địa chỉ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho ông bà từ năm 2007 và thực hiện chia thừa kế nhưng bị đơn không phản tố bởi vì tài sản là của gia đình ông bà từ rất lâu đời và đã thực hiện quyền sở hữu hợp pháp.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh H4, bà Nguyễn Thị Thùy T7 ủy quyền cho ông T8 Huỳnh Văn H6, Nguyễn Thanh L4, Nguyễn Thanh H5 cùng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Tấn T và cũng yêu cầu:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 399580, số vào sổ H00233.QSĐĐ cấp ngày 31/10/2007 cấp cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 vi trái quy định pháp luật.

2. Yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà và đất tại thửa số 139, tờ bản đồ số 9, diện tích 108,60m² tọa lạc tại số A đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồ Thị H7 theo quy định pháp luật.

Phía Ủy ban nhân dân quận N có Văn bản số 2324/UBND ngày 28/6/2017

(bút lục 274) xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ tranh chấp di sản thừa kế này.

Tại Công văn số 45/CNVNĐKĐĐ ngày 25/01/2021 (bút lục 500) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233/QSDĐ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 31/10/2007 cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 thành phần hồ sơ gồm có:

Đơn xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 16/5/2007. Văn bản phân chia di sản thừa kế do Phòng C2, thành phố Cần Thơ chứng thực ngày 16/3/2007, số công chứng 12, quyền số 01/2007/TP/CC-SCC/HĐGD. Tờ tường trình nguồn gốc do Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 15/08/2007. Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất có các hộ giáp liền kề ký tên xác nhận, được Ủy ban nhân dân phường T ký ngày 06/06/2007. Hồ sơ trích đo địa chính số 1475/VP.ĐKQSDĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 24/08/2007. Bản vẽ hiện trạng nhà do Sở Xây dựng lập tháng 4/2006. Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 4056 ngày 27/08/2007 của văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất. Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất do Chi cục thuế quận N ký ngày 28/08/2007. Giấy nộp tiền mặt ngày 05/10/2007 ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Ngày 31/10/2007, Ủy ban nhân dân quận N ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233 cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3

Từ cơ sở trên cho thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N và bà T3 là đúng theo Điều 46, Luật Đất đai năm 2003, đúng trình tự thủ tục tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận theo Điều 136, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N.

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách nhiệm chi trả cho ông Nguyễn Tấn T 1/6 giá trị di sản nhà và đất là: 2.220.498.500 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách nhiệm giao cho những người con của ông Nguyễn Văn T4 gồm bà Nguyễn Phương A, ông Nguyễn Phương N1, bà Nguyễn Xuân L số tiền 2.220.498.500 đồng khi họ có yêu cầu nhận (Mỗi người được hưởng 740.166.000 đồng (làm tròn số) (Do chưa tìm được địa chỉ nên bà T3 và ông N tạm giữ số tiền trên).

3. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách nhiệm giao cho những người con của ông Nguyễn Nhựt N2 (ông N2 có các con: Bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), ông Nguyễn Nhựt T5, bà Nguyễn Kim N3, bà Nguyễn Thị Kim H2) số tiền

2.220.498.500 đồng khi họ có yêu cầu nhận (Mỗi người hưởng 444.099.000 đồng) (Do chưa tìm được địa chỉ nên bà T3 và ông N tạm giữ số tiền trên).

4. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách giao cho những người con của bà Nguyễn Thị Bích T6 gồm các ông bà: ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P số tiền 2.220.498.500 đồng. (Mỗi người được hưởng số tiền: 277.562.000 đồng (làm tròn)

Do bà T3 và ông N đang đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà nêu trên nên không cần kiến nghị để điều chỉnh.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bà T3 và ông N chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022 và 10/10/2022 bị đơn ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ Thu g nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do:

- Sau khi bị đình chỉ án sơ thẩm “Tranh chấp về xác định quyền thừa kế” theo bản án số 38/2016/QĐST-DS ngày 11/04/2016 và bản án phúc thẩm số 23/2016/QĐPT-DS ngày 21/10/2016 thì ông Nguyễn Tấn T lại có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý bằng bản án số 30/2017/TLST ngày 08/05/2017 do có yếu tố nước ngoài.

Như vậy là trái với quy định của pháp luật tố tụng theo Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án”; khoản 2 Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm” và Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án...”.

- Theo khoản 1, khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế 1990 thì vụ án dân sự của các ông, bà có thời hiệu 10 năm và thời hiệu này được tính từ 10/09/1990 là ngày công bố Pháp lệnh và kết thúc vào 10/09/2000 (thay vì ngày 12/09/1988 là ngày mở thừa kế). Ông, bà không đồng ý với bản án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 623 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, vì điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 là quy định xác lập thời hiệu của giao dịch dân sự không liên quan gì đến pháp luật thừa kế. Do đó không thể áp dụng điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để bắt đầu cho thời hiệu thừa kế 30 năm.

- Tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/08/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mà bản án sơ thẩm 38/2022/DS-ST do Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ áp dụng là không căn cứ, không tương thích. Bởi lẽ:

+ Một là: đất (hay quyền sử dụng đất) phải do người chết để lại.

+ Hai là: Luật Dân sự không có hồi tố nên không thể cấp đất cho người chết là cụ Hồ Thị H7.

Do đó không thể áp dụng quy định này trong bản án sơ thẩm.

- Bản án sơ thẩm 38/2022/DS-ST áp dụng giá thị trường là 120.000.000 đồng/m² là không có căn cứ pháp lý, áp dụng tùy tiện vì theo giá đất mới nhất của Ủy ban nhân dân thành phố C được Chi cục Thuế quận N áp dụng là 27.500.000 đồng/m² cho nhà A P, quận N, thành phố Cần Thơ.

Về di sản nhà, giá trị căn nhà 290.991.000 đồng là giá trị tính trên diện tích 108,6m² là không chính xác. Bởi lẽ theo biên bản giám định hóa giá nhà (hồ sơ hóa giá nhà của 107 P, Cần Thơ số 487/TC.86) diện tích nhà là 80m² (Giấy chứng nhận sở hữu nhà) không phải 108,6m² theo bản án.

Giá trị căn nhà nguyên thủy 80m² chỉ còn 50% (theo hồ sơ hóa giá). Mỗi năm khấu hao 5% theo Luật xây dựng thì căn nhà đã hết giá trị sử dụng nên giá căn nhà theo bản án là không căn cứ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T (hiện nay là những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) có bà Nguyễn Thị Diễm T2 là đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cha mẹ nguyên đơn, sau khi cụ C1 chết, cụ H7 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên căn nhà là di sản thừa kế của cụ H7 để lại, không có di chúc. Sau khi cụ H7 chết bà T10 tiếp tục ở trên nhà này, năm 1999 bà T10 chết, năm 2006 các con bà T10 làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Luật đất đai năm 1987 và Nghị quyết số 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc bà T3, ông N kê khai đăng ký mà không có sự đồng ý của người thừa kế cụ H7 là không đúng, do đó việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn không đúng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản cụ H7 là có căn cứ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngày 12/7/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T chết theo trích lục khai tử số 527/TLKT-BS của Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Tại Tờ khai hộ tịch ngày 17/7/2023 bà Nguyễn Thị Y (vợ ông T) kê khai người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Tấn T1. Theo giấy ủy quyền ngày 17/7/2023 thì bà Y và ông T1 đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Diễm T2 là đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm. Căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thủ tục kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự đúng quy định pháp luật.

[2] Nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (gọi tắt là nhà và đất 107) được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233.QSDĐ ngày 31/10/2007 cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3. Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T cho rằng nhà, đất trên là tài sản do cụ Hồ Thị H7 để lại nên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 cho rằng: Nguồn gốc căn nhà A đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là của cụ Hồ Thị H7 ở từ thời Pháp thuộc. Sau đó, cụ H7 bị bệnh, lúc này được Nhà nước hóa giá nên bà Nguyễn Thị Cẩm T9 (mẹ ruột của các bị đơn) là con gái của cụ H7 đã mua nhưng để cụ H7 đứng tên, cụ H7 ở đến năm 1988 thì mất. Năm 1999 bà T9 mất, bị đơn kê khai nhận thừa kế từ bà T9 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện,

[4] Bản án sơ thẩm nhận định:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Hồ Thị H7 (chết năm 1988) để lại là nhà và đất tại thửa số 139, tờ bản đồ 9, diện tích 108,6m² tọa lạc 107 P, T, quận N, thành phố Cần Thơ. Cụ H7 chết năm 1988, ngày 06/02/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu tài sản thừa kế. Theo khoản 1 và khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 là còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nhà và đất tại số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ trước đây do cụ Nguyễn Nhựt C1 và cụ Hồ Thị H7 (cha mẹ nguyên đơn) thuê từ năm 1934. Sau khi cụ C1 chết năm 1955, cụ H7 tiếp tục thuê căn nhà này. Đến năm 1987, cụ H7 được xét cho mua hóa giá nhà tại địa chỉ nêu trên theo diện là người có công với Cách mạng. Căn nhà được Sở Tài chính tỉnh T11 (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 489/TC.86 ngày 12/01/1987 cho cụ Hồ Thị H7. Năm 1988, cụ H7 chết, không để lại di chúc đối với nhà và đất nêu trên. Sau khi cụ H7 chết, bà T9 là người

sống chung cụ H7 tiếp tục ở trong căn nhà này để thờ cúng ông bà. Năm 1999, bà T9 chết, các con của bà T9 là ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lê T3 đã làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Đến ngày 31/10/2007, ông N và bà T3 được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233.QSDD, thửa đất số 139, tờ bản đồ 9, diện tích 108,6m² và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 3.

Xét, theo quy định tại tiểu mục 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cụ H7 vẫn được tiếp tục sử dụng đất, vì nhà do cụ mua hóa giá đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà vào ngày 12/01/1987, nên nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của cụ H7. Bị đơn không có giấy tờ thể hiện cụ H7 đã tặng cho bà T9 nhà đất này, hoặc giấy tờ thể hiện đây là tài sản là riêng của bà T9 để lại. Do đó, nhà, đất này là di sản thừa kế của H7 để lại.

- Cụ Nguyễn Nhựt C1 (chết năm 1955) và cụ Hồ Thị H7 (chết năm 1988) có tất cả 05 người con, không có con nuôi gồm:

+ Ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1999). Ông T4 có các con: Bà Nguyễn Phương A, Ông Nguyễn Phương N1, Bà Nguyễn Xuân L. (Nguyên đơn và bị đơn không xác định được vợ ông Nguyễn Văn T4 còn sống hay đã mất và địa chỉ).

+ Ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Kim N5 (hiện nguyên đơn và các bị đơn không biết địa chỉ chính xác, không biết còn hay mất). Ông N2 có các con: Bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), Bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), Ông Nguyễn Nhựt T5, Bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Kim N3.

+ Bà Nguyễn Thị Bích T6 (mất năm 1975) (Nguyên đơn và các bị đơn không xác định được chồng bà Nghĩa là ai, còn hay mất và không biết địa chỉ).

Bà T6 có các con gồm: Ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm T9 (chết năm 1999). Người thừa kế của bà T9 là ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lê T3 (là bị đơn trong vụ kiện).

+ Ông Nguyễn Tấn T (nguyên đơn).

Theo đó, di sản phải được phân chia thành 05 phần cho người con của cụ H7, cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị Cẩm T9 chết năm 1999, nên những người con của ông T4 và bà T9 được nhận di sản.

+ Ông Nguyễn Nhựt N2 chết năm 1987, bà Nguyễn Thị Bích T6 chết năm 1975; Các ông bà chết trước cụ H7 nên các con của ông N2 và bà T6 được nhận thừa kế thế vị. Ông Nguyễn Tấn T được nhận 01 kỷ phần.

- Tuy nhiên, sau khi cụ H7 và bà T9 chết, thì ông N và bà T3 là người quản lý từ năm 1999 đến nay, do đó xem xét công sức đóng góp, tôn tạo, bảo quản, gìn giữ của phía bị đơn nên cần phải tính công sức của người quản lý di sản theo Điều 618 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương đương một kỷ phần thừa kế.

- Theo kết quả định giá thị trường thì diện tích $108,6m^2 \times 120.000.000$ đồng = $13.032.000.000$ đồng/6 = $2.172.000.000$ đồng/kỷ phần thừa kế.

Ông N, bà T3 được nhận 02 kỷ phần thừa kế, tương đương: $4.344.000.000$ đồng. Những người thừa kế còn lại, mỗi người được nhận $2.172.000.000$ đồng.

Về giá trị căn nhà: Do bị đơn không hợp tác, không đồng ý cho thẩm định nên đề nghị căn cứ kết quả định giá theo Bản án phúc thẩm số 144/2021/DS-PT ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để làm căn cứ giải quyết về phần căn nhà trên đất là: $290.991.000$ đồng; Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý lấy giá $290.991.000$ đồng là giá trị căn nhà để chia thừa kế. Như vậy, mỗi người thừa kế được nhận kỷ phần thừa kế căn nhà là $48.498.500$ đồng. Ông N, bà T3 được nhận 02 kỷ phần thừa kế, trong đó có 01 kỷ phần là công sức bảo quản, gìn giữ di sản, tương đương: $96.997.000$ đồng.

Do bà T3 và ông N nhận thừa kế bằng hiện vật và hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại, nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233.QSĐĐ ngày 31/10/2007 của Ủy ban nhân dân quận N.

Đối với những người thừa kế ở nước ngoài, căn cứ Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, tạm giao kỷ phần thừa kế của những người này cho ông N, bà T3 quản lý để sau này giao lại cho những người này theo quy định.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và xác định nhà, đất số 107 Phan Đình P1 là di sản thừa kế của cụ H7 để lại và phân chia thừa kế thành 06 kỷ phần, trong đó ông N và bà T3 (con bà T9) được nhận 02 kỷ phần, những người thừa kế còn lại mỗi người nhận 01 kỷ phần là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tòa án cấp sơ thẩm nhận định áp dụng kết quả định giá theo Bản án phúc thẩm số 144/2021/DS-PT ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để định giá căn nhà trên đất là có căn cứ nếu trong trường hợp bị đơn yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật, và hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Nhưng trong trường hợp này, bị đơn không hợp tác để Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá tài sản, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào sự đồng ý của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sử dụng kết quả

định giá theo Bản án phúc thẩm số 144/2021/DS-PT ngày 22/10/2021 để tính giá trị kỷ phần thừa kế là không đảm bảo cho việc thi hành án, gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho các đồng thừa kế còn lại. Vì ngoài ông T và bà T9 (có ông N và bà T3 là người thừa kế), thì những người thừa kế còn lại của cụ H7 hiện đang ở nước ngoài, hoặc không tìm được địa chỉ, nên xác định giá trị kỷ phần theo kết quả định giá trên khi không có ý kiến của họ là không đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử sửa bản sơ thẩm về phần này, chia thừa kế di sản của cụ H7 theo tỷ lệ mỗi kỷ phần thừa kế, giá trị cụ thể của từng kỷ phần sẽ được xác định trong giai đoạn thi hành án. Theo đó, phần di sản của cụ H7 được chia thành 06 phần, ông N và bà T3 được nhận 2/6, các đồng thừa kế còn lại mỗi người được nhận 1/6 tài sản đang tranh chấp.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Do ông N và bà T3 được nhận thừa kế bằng hiện vật và hoàn trả giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại, nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là không đúng, bởi: Ông N, bà T3 chỉ được công nhận quyền sở hữu đối với toàn bộ nhà, đất trên sau khi hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả cho các thừa kế còn lại. Mặt khác, hiện nay ngoài ông T, thì những người thừa kế còn lại đều chưa nhận kỷ phần thừa kế mà do ông N và bà T3 đang quản lý. Do vậy, việc giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là không đúng với bản chất vụ việc, và không đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 được miễn theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Áp dụng Án lệ số 06/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 618, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T (nay là người thừa kế của ông T) về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N.

1/Xác định nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233.QSĐĐ ngày 31/10/2007 cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 là di sản thừa kế của cụ Hồ Thị H7.

2/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00233.QSĐĐ ngày 31/10/2007 của Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3.

3/Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Hồ Thị H7 để lại là nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ như sau:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T9 (chết năm 1999). Người thừa kế của bà T9 là ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 (là bị đơn trong vụ kiện) được nhận 2/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Tấn T (hiện nay là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T) được nhận 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1999). Ông T4 có các con: Bà Nguyễn Phương A, Ông Nguyễn Phương N1, Bà Nguyễn Xuân L. (Nguyên đơn và bị đơn không xác định được vợ ông Nguyễn Văn T4 còn sống hay đã mất và địa chỉ) được nhận 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Kim N5 (hiện nguyên đơn và các bị đơn không biết địa chỉ chính xác, không biết còn hay mất). Ông N2 có các con: Bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), Bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), Ông Nguyễn Nhựt T5, Bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Kim N3 được nhận 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị Bích T6 (chết năm 1975) (Nguyên đơn và các bị đơn không xác định được chồng bà Nghĩa 1 ai, còn hay mất và không biết địa chỉ) được nhận 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà T6 có các con: ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P.

4/Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn T (nay là người thừa kế của ông T) 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ theo giá trị tại thời điểm thi hành án.

Trong trường hợp đương sự không tự nguyện thi hành án, thì cơ quan thi hành án có quyền phát mãi nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ để thi hành án bản án theo quy định pháp luật.

5/Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N ký phần thừa kế của các đồng thừa kế còn lại, mỗi người được hưởng 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, gồm:

- Ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 1999). Ông T4 có các con: Bà Nguyễn Phương A, Ông Nguyễn Phương N1, Bà Nguyễn Xuân L. (Nguyên đơn và bị đơn không xác định được vợ ông Nguyễn Văn T4 còn sống hay đã mất và địa chỉ).

- Ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Kim N5 (hiện nguyên đơn và các bị đơn không biết địa chỉ chính xác, không biết còn hay mất). Ông N2 có các con: Bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), Bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), Ông Nguyễn Nhựt T5, Bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Kim N3.

- Bà Nguyễn Thị Bích T6 (chết năm 1975)

Bà T6 có các con: Ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P.

6/Bà Nguyễn Thị Lệ T3 và ông Nguyễn Phương N có trách nhiệm giao trả cho các ông bà sau, mỗi người 1/6 nhà và đất số A P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ theo giá trị tại thời điểm thi hành án, khi có yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn T4 (mất năm 1999). Ông T4 có các con: Bà Nguyễn Phương A, Ông Nguyễn Phương N1, Bà Nguyễn Xuân L. (Nguyên đơn và bị đơn không xác định được vợ ông Nguyễn Văn T4 còn sống hay đã mất và địa chỉ).

- Ông Nguyễn Nhựt N2 (chết năm 1987). Ông N2 có vợ là bà Nguyễn Kim N5 (hiện nguyên đơn và các bị đơn không biết địa chỉ chính xác, không biết còn hay mất). Ông N2 có các con: Bà Nguyễn Kim L2 (Nguyễn Thị Kim L2), Bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị Kim H1), Ông Nguyễn Nhựt T5, Bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Nguyễn Kim N3.

- Bà Nguyễn Thị Bích T6 (chết năm 1975)

Bà T6 có các con: ông Nguyễn Thanh H3, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh H5, ông Nguyễn Thanh L4, bà Nguyễn Thị Thùy T7, bà Nguyễn Thị Bích N4, ông Nguyễn Thanh P.

7/Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị ký phần thừa kế cho ông Nguyễn Tấn T (nay là người thừa kế của ông T), thì ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai lại quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo hình thức sở hữu chung với các đồng thừa kế còn lại.

8/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị Lệ T3 được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Cục THADS TP.Cần Thơ;
- ND (1);
- BD (2);
- NLQ (4);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu